

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2026

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tùng
- Bà Trần Thị Mộng Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26a/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần Tuấn T**, sinh năm 1985; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 31/27, **Tổ C, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- **Bị đơn:** Bà **Hoàng Thị Xuân L**, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: **38/3/1/5 L, Tổ C, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025; bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông **Trần Tuấn T** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông **T** và bà **L** tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 04, ngày 10/01/2011 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Nguyên nhân từ những mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, lòng tin, kinh tế lo cho cuộc sống gia đình không có sự san sẻ về tài chính, không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau, không cùng nhau lo lắng chăm sóc cho con cái, không quan tâm đến gia đình, không đồng nhất ý kiến. Dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chung sống không còn hạnh phúc nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L để cả hai có cơ hội xây dựng cuộc sống mới.

- Về con chung: Ông T xác nhận ông và bà L có 02 con chung tên Trần Tấn T1, sinh năm 2005 (đã đủ tuổi trưởng thành) và Trần Hoàng Bảo Y, sinh ngày 03/5/2011 hiện đang ở với ông T. Ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng Bảo Y và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Xuân L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của bà L.

Tại phiên tòa:

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà L vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn ông **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông **Trần Tuấn T** yêu cầu ly hôn với bà **Hoàng Thị Xuân L** nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”; bị đơn bà **L** có địa chỉ cư trú tại **xã L, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông **T** có đơn xin xét xử vắng mặt; bà **L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **T**, bà **L** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông **T** và bà **L** tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 10/01/2011 tại **UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh)**. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại **ấp T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Nguyên nhân từ những mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, lòng tin, kinh tế lo cho cuộc sống gia đình không có sự san sẻ về tài chính, không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau, không cùng nhau lo lắng chăm sóc cho con cái, không quan tâm đến gia đình, không đồng nhất ý kiến. Dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà **L**.

Kết quả xác minh cho thấy: Ông **T** và bà **L** là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng không sống tại địa phương. Hiện tại bà **L** đang sống tại **tổ C, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh**, ông **T** không sinh sống tại đây. Quá trình chung sống hai vợ chồng có mâu thuẫn, cụ thể nguyên nhân

mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà **L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân bà **L** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa ông **T** và bà **L** là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **T** đối với bà **L**.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông **T** xác nhận ông và bà **L** có 02 con chung tên **Trần Tấn T1**, sinh năm 2005 (đã đủ tuổi trưởng thành) và **Trần Hoàng Bảo Y**, sinh ngày 03/5/2011 hiện đang ở với ông **T**. Ly hôn, ông **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Trần Hoàng Bảo Y** và không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân năm 2022 cho đến nay, cháu **Y** vẫn ở với ông **T**, được ông nuôi dưỡng, chăm sóc. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông **T**, giao cháu **Trần Hoàng Bảo Y** cho ông **Trung trực T2** nuôi dưỡng. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Ông **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông **T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông **Trần Tuấn T** ly hôn bà **Hoàng Thị Xuân L.**
2. Về nuôi con chung: Giao con chung **Trần Hoàng Bảo Y**, sinh ngày 03/5/2011 cho ông **Trần Tuấn Trung trực T2** nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Ông **T** không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông **Trần Tuấn T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông **T** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038840, ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành **án dân sự Thành phố H.** Ông **T** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 13;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Hải;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị Bình

